

Tội gây rối trật tự công cộng trong luật hình sự Việt Nam : Luận văn ThS. Luật: 60 38 40 Nguyễn Thanh Hải ; Nghd. : TS. Trịnh Tiến Việt

1. Tính cấp thiết của đề tài

Pháp luật hình sự là một trong những công cụ sắc bén và hữu hiệu của Nhà nước ta trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nhằm bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, quyền làm chủ của nhân dân, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, duy trì trật tự, an toàn xã hội, đồng thời pháp luật hình sự còn góp phần chống lại mọi hành vi phạm tội, giáo dục người ý thức chấp hành và tuân theo pháp luật.

Trong những năm vừa qua, nền kinh tế của cả nước đã có những khởi sắc đáng mừng, từ đó có những tác động tích cực đến đời sống của toàn bộ nhân dân cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những tích cực đã đạt được, chúng ta không thể không thấy những khó khăn và thách thức to lớn đặt ra với toàn Đảng và toàn dân, đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội (nhất từ sau khi Hà Nội được mở rộng ra bao trùm lên toàn bộ tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh và bốn xã thuộc huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình), thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ; v.v...

Hiện nay, tội phạm nói chung, các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng nói riêng và đặc biệt là tội gây rối trật tự công cộng trên các thành phố, khu đô thị, thị xã lớn đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội, tuy loại tội phạm này không có tính nguy hiểm cao so với các loại tội phạm khác nhưng nó có tính phổ biến, đa dạng hình thức và có ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội. Tội phạm này thể hiện ở chỗ - hành vi gây rối trật tự công cộng xâm phạm nghiêm trọng các quan hệ xã hội trong lĩnh vực công cộng, gây tổn hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước và công dân, hành vi này được thực hiện công khai và thường ở những nơi đông người, biểu hiện ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước. Hình thức biểu hiện của hành vi gây rối thường là: Hành hung, đánh lộn, đập phá, gây lộn xộn ở nơi đông người, tụ tập đi xe máy tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, gây huyên náo đường phố... và ngày càng có xu hướng gia tăng, kèm theo đó là các hành vi hủy hoại tài sản, chống người thi hành công vụ, cố ý gây thương tích, thậm chí là giết người; v.v... Qua các số liệu thống kê chính thức được thu thập từ các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án trong cả nước, đặc biệt là các thành phố lớn cho thấy, diễn biến của loại hành vi và tội phạm này ngày càng phức tạp (ví dụ: vụ án gây rối trật tự công cộng và hủy hoại tài sản tại 178 Nguyễn Lương Bằng, Hà Nội năm 2008; vụ án đua xe trái phép và gây rối trật tự công cộng tại quận Hoàng Kiếm, Hà Nội năm 2009), với nhiều hình thức vi phạm và phạm tội khác nhau, trong đó đáng báo động là số lượng những người phạm tội tham gia ngày một đông hơn, trẻ hơn và trong độ tuổi học sinh, sinh viên chiếm tỷ lệ cao (ví dụ: vụ án gây rối trật tự công cộng tại Đồng Nai năm 2009 với 46 bị cáo; vụ án gây rối trật tự công cộng và hủy hoại tài sản tại tỉnh Phú Yên năm 2006 với 37 bị cáo; vụ án giết người và gây rối trật tự công cộng tại thành phố Đà Nẵng năm 2007 với 18 bị cáo; v.v...). Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, từ năm 2005 đến năm 2008, tổng số vi phạm pháp luật hình sự trong học sinh, sinh viên khoảng hơn 8.000 trường hợp, trong đó các hành vi đánh nhau gây rối trật tự công cộng (hơn 2.000 trường hợp), các tội phạm ma túy (815 trường hợp), giết người (83 vụ), cướp tài sản (1.372 vụ), xâm hại sức khỏe, tính mạng (1.117 vụ) [3]. Bên cạnh đó, dưới góc độ thực tiễn xét xử cho thấy nếu năm 2007, Tòa án xét xử tổng số 320 vụ án và 983 bị cáo về tội gây rối trật tự công cộng, thì đến năm 2008 là 288 vụ và 1.004 bị cáo, đến năm 2009 là 320 vụ án và 1.170, có sự gia tăng về số vụ và đặc biệt là số bị cáo tham gia... [70], xảy ra trên nhiều lĩnh vực, khu vực với quy mô, mức độ ngày càng nghiêm trọng.

Vì vậy, để làm sáng tỏ các dấu hiệu pháp lý của tội gây rối trật tự công cộng, phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với một số tội phạm khác, phân tích lịch sử hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng từ năm 1945 đến nay, đánh giá thực tiễn xét xử loại tội phạm này ở nước ta trong thời gian vừa qua (2000-2009), trên cơ sở đó, chỉ ra một số tồn tại, hạn chế trong thực tiễn, lý luận và các nguyên nhân cơ bản, qua đó bước đầu tìm giải pháp hoàn thiện trên phương diện lập pháp hình sự và giải pháp về mặt thực tiễn (góc độ tội phạm học) để góp phần phòng, chống tội phạm này, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội có ý nghĩa chính trị - pháp lý và lý luận - thực tiễn quan trọng. Đây còn là lý do để chúng tôi quyết định lựa chọn đề tài: "**Tội gây rối trật tự công cộng trong luật hình sự Việt Nam**" làm đề tài luận văn của mình.

2. Tình hình nghiên cứu và điểm mới khoa học của luận văn

Chương XIX Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Các nội dung chính cũng như các điều luật trong chương này, trong đó có sự phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội gây rối trật tự công cộng đã được một số nhà khoa học - luật gia hình sự quan tâm nghiên cứu, đồng thời thể hiện ở một số sách chuyên khảo, tham khảo, bình luận và giáo trình đại học, chẳng hạn như:

1) GS.TS. Đỗ Ngọc Quang, *Chương XIX - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*, Trong sách: "Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)", do GS.TSKH. Lê Cẩm chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.

2) GS.TS. Võ Khánh Vinh, *Chương X - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*, Trong sách: "Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)", do GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2001.

3) GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa, *Chương XXV - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*, Trong sách: "Giáo trình Luật hình sự Việt Nam", (Tập II), do GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2010.

4) TS. Phạm Văn Beo, Bài 10 - *Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*, Trong sách: "Luật hình sự Việt Nam" (Quyển 2 - Phần các tội phạm), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

5) TS. Trương Quang Vinh, *Bình luận các điều 241 đến 256*, Trong sách: "Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999" (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

6) TS. Trần Minh Hường (chủ biên), TS. Đỗ Đức Hồng Hà, TS. Trịnh Tiến Việt và tập thể tác giả, *Chương XIX - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*, Trong sách: "Tìm hiểu Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và những văn bản hướng dẫn thi hành", Nxb Lao động, Hà Nội, 2010.

7) TS. Trần Minh Hường, *Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2002.

8) TS. Nguyễn Đức Mai, *Chương XIX - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*, Trong sách: "Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999", Tập thể tác giả, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2001.

9) ThS. Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học chuyên sâu Bộ luật hình sự - Phần các tội phạm, Tập VI - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2005; v.v...

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu đã nêu trên chỉ xem xét tội gây rối trật tự công cộng với ý nghĩa là một tội phạm để *bình luận* các dấu hiệu pháp lý hình sự và hình phạt, cũng như phân tích việc định tội danh

trong tương quan giữa tội phạm này với tội phá rối an ninh, tội giết người, tội chống người thi hành công vụ, tội gây rối trật tự công cộng hoặc chỉ xem xét dưới góc độ phòng ngừa dưới góc tội phạm học cả nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trong Bộ luật hình sự năm 1999, mà chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu *độc lập, có hệ thống và ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học dưới góc độ pháp lý hình sự về tội gây rối trật tự công cộng*. Do đó, điểm mới về mặt khoa học của đề tài là lần đầu tiên trong khoa học luật hình sự đề cập đến riêng tội phạm này dưới góc độ một luận văn thạc sĩ luật học.

3. Mục đích và đối tượng nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu một cách có hệ thống về những vấn đề pháp lý cơ bản của các tội xâm phạm trật tự công cộng như: khái niệm, các dấu hiệu pháp lý, hình phạt, phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với các tội phạm khác, đồng thời đi sâu vào phân tích thực tiễn xét xử tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn cả nước, đặc biệt là qua các vụ án tại một số thành phố lớn (như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng; v.v...). Trên cơ sở đó, luận văn chỉ ra một số vướng mắc, tồn tại trong công tác xử lý, định tội để đề xuất một số kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật và những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về xử lý loại tội phạm này.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đúng như tên gọi của nó - Tội gây rối trật tự công cộng trong luật hình sự Việt Nam.

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý như: lịch sử, lý luận về Nhà nước và pháp luật, xã hội học pháp luật, luật hình sự, tội phạm học và triết học, những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí trong và ngoài nước.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù của khoa học luật hình sự như: phân tích, tổng hợp và thống kê xã hội học, phương pháp so sánh, đối chiếu, phương pháp điều tra án điển hình để phân tích các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề khoa học cần nghiên cứu.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng của luận văn là ở chỗ - tác giả đã làm rõ các vấn đề chung tội gây rối trật tự công cộng trong luật hình sự Việt Nam, phân tích khái quát lịch sử hình thành và phát triển của các quy định trong luật hình sự nước ta về tội phạm này từ năm 1945 đến nay, phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác hay có sự nhầm lẫn trong thực tiễn; làm sáng tỏ các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội gây rối trật tự công cộng và thực tiễn xét xử (2000-2009), qua đó chỉ ra nguyên nhân của thực trạng này và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội gây rối trật tự công cộng ở khía cạnh lập pháp và việc áp dụng trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận cần thiết cho các nhà khoa học - luật gia, cán bộ thực tiễn và các sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành tư pháp hình sự, cũng như phục vụ cho công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng Bộ luật hình sự Việt Nam liên quan

đến tội gây rối trật tự công cộng, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm này, cũng như giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội hiện nay ở nước ta.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Các vấn đề chung về tội gây rối trật tự công cộng trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Tội gây rối trật tự công cộng theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 và thực tiễn xét xử.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng.

Chương 1

CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. An toàn công cộng, trật tự công cộng với tư cách là khách thể quan trọng được luật hình sự Việt Nam bảo vệ

1.1.1. Khái niệm an toàn công cộng, trật tự công cộng và các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng

Công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm và những hành vi vi phạm pháp luật nhằm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội luôn là đòi hỏi cấp bách trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Với tư cách là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ, đòi hỏi phải làm rõ hai phạm trù "*an toàn công cộng*" và "*trật tự công cộng*" và các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Do đó, *các tội xâm phạm an toàn, trật tự công cộng là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, do những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm vào các quy định của Nhà nước về an toàn công cộng, trật tự công cộng, gây ra những thiệt hại về tài sản của Nhà nước, của tổ chức, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân, đồng thời còn xâm phạm đến hoạt động bình thường, ổn định xã hội ở những nơi công cộng.*

1.1.2. Phân loại các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng

Việc phân loại các tội phạm cụ thể - các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng có ý nghĩa quan trọng ở chỗ - làm rõ khách thể của tội phạm xâm hại đến quan hệ xã hội nào được Luật hình sự bảo vệ, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hình thức lỗi của từng loại tội phạm, cũng như các chế tài pháp lý được áp dụng. Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng được chia thành hai nhóm - các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Tuy nhiên, dưới góc độ khoa học luật hình sự, căn cứ vào *khách thể trực tiếp bị tội phạm xâm phạm* đến các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng thành sáu nhóm khác nhau.

1.2. Khái niệm và phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với một số tội phạm khác trong luật hình sự Việt Nam

1.2.1. Khái niệm tội gây rối trật tự công cộng

Từ khái niệm tội phạm, căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, dưới góc độ khoa học luật hình sự, *tội gây rối trật tự công cộng là hành vi hù dọa, làm náo động, phá phách, hành hung người khác hoặc có hành*

vi khác làm rối loạn các hoạt động ở những nơi công cộng, gây thiệt hại nghiêm trọng cho trật tự an toàn công cộng do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện.

1.2.2. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với một số tội phạm khác trong luật hình sự Việt Nam

Tội gây rối trật tự công cộng xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, làm rối loạn các hoạt động ở những nơi công cộng, gây thiệt hại nghiêm trọng cho trật tự an toàn công cộng. Thực tiễn xét xử cho thấy, việc làm sáng tỏ các dấu hiệu pháp lý của tội phạm này với một số tội phạm khác có liên quan để định tội danh đúng, xử lý đúng người, đúng pháp luật không phải trường hợp nào cũng dễ dàng. Do đó, chúng tôi phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác trong Bộ luật hình sự có liên quan đến tội gây rối trật tự công cộng bao gồm - tội phá rối an ninh, tội giết người, tội cố ý gây thương tích..., tội đua xe trái phép và tội chống người thi hành công vụ.

1.3. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 về tội gây rối trật tự công cộng

1.3.1. Giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Trong mục này, luận văn phân tích các văn bản pháp luật, chỉ thị, thông tư... có liên quan đến việc bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội và có liên quan đến tội gây rối trật tự công cộng.

1.3.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 đến trước pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự năm 1999

Tương tự, trong mục này, luận văn phân tích các quy định của Bộ luật hình sự đầu tiên của Nhà nước ta - Bộ luật hình sự năm 1985, cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành để làm sáng tỏ sự thay đổi của tội gây rối trật tự công cộng trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999. Đặc biệt, có ba văn bản quan trọng liên quan đến tội phạm này là: 1) Thông tư liên ngành số 06/TTLN về *Hướng dẫn việc giải quyết án trọng điểm*, trong đó có nêu loại tội để chọn làm án trọng điểm, trong đó có *tội gây rối trật tự công cộng gây hậu quả nghiêm trọng* ngày 12/9/1990 của Liên ngành Bộ Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao; 2) Thông tư liên tịch số 10/TTLT ngày 31/12/1996 để hướng dẫn xử lý các hành vi đua xe trái phép, cụ thể là mục hai vấn đề định tội danh có liên quan đến hành vi phạm tội gây rối trật tự công cộng; 3) Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC "*Hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ và thuốc pháo*" ngày 25/12/2008 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao.

Chương 2

TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ

2.2. Tội gây rối trật tự công cộng theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

2.1.1. Một số điểm mới sửa đổi, bổ sung

Năm 1999, một sự kiện pháp lý đánh dấu sự phát triển của hoạt động lập pháp hình sự là việc pháp điển hóa lần thứ hai luật hình sự nước ta với việc ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 cho thấy - Bộ luật này đã dựa trên những thành tựu mới của khoa học luật hình sự hiện đại, cũng như các nguyên tắc và các quy định pháp luật được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế. Do đó, trong mục này, luận văn phân tích khái quát một số điểm mới chung của Chương XIX Bộ luật hình sự, trong đó có tội gây rối trật tự công cộng, đồng thời có so sánh khái quát với các quy định tương ứng trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga, Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Bộ luật hình sự Nhật Bản.

2.1.2. Các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội gây rối trật tự công cộng

Luận văn tập trung phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội gây rối trật tự công cộng qua các yếu tố cấu thành tội phạm - khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm, có liên hệ phân tích các văn bản hành chính và Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2.1.3. Hình phạt

Luận văn phân tích hình phạt áp dụng khi có các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự liên quan đến tội phạm này.

2.2. Thực tiễn xét xử tội gây rối trật tự công cộng

2.2.1. Nhận xét chung

Do phạm vi nghiên cứu của luận văn chỉ tập trung phân tích về tình hình xét xử, nên trước khi phân tích, luận văn chỉ điểm qua những nhận xét về thực trạng xử lý hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng ở nước ta trong thời gian qua.

2.2.2. Tình hình xét xử tội gây rối trật tự công cộng

Phân tích thực tiễn xét xử tội gây rối trật tự công cộng ở nước ta trong thời gian 10 năm (2000-2009), luận văn rút ra một số nhận định đặc trưng cơ bản sau đây:

1) Tổng số vụ án đưa ra xét xử là 582.423 vụ án và tổng số bị cáo đưa ra xét xử là 951.132 bị cáo, thì tổng số vụ án đưa ra xét xử về tội gây rối trật tự công cộng là 6.076 vụ án (chiếm tỷ lệ là 1,04 %) và tổng số bị cáo đưa ra xét xử về tội gây rối trật tự công cộng là 15.663 bị cáo (chiếm tỷ lệ 1,65 %). Tỷ lệ này cao nhất là năm 2000 với 3,14 % số vụ án và 3,99 % số bị cáo. Những năm gần đây có giảm số vụ án phạm tội gây rối trật tự công cộng (các năm 2006, 2007, 2008), nhưng năm 2009 thì số vụ án và số bị cáo lại tăng cao (số vụ là 425 vụ và 1.588 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 0,61 % và 1,30% so với tổng số vụ án và tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử trên toàn quốc). Ngoài ra, năm có số vụ án bị đưa ra xét xử về tội gây rối trật tự công cộng thấp nhất là năm 2008 (353 vụ), cao nhất là năm 2000 (1.534 vụ); năm có số bị cáo bị đưa ra xét xử thấp nhất là năm 2002 (1.191 bị cáo), cao nhất là năm 2000 (2.961 bị cáo).

2) Tổng số vụ án phải xét xử về tội gây rối trật tự công cộng có tổng số 6.076 vụ án và tổng số 15.663 bị cáo; số vụ án đã xét xử có tổng số 4.814 vụ án và tổng số 11.633 bị cáo; trong đó số vụ án trả lại Viện kiểm sát tổng số là 754 vụ án và 2.666 bị cáo. Trong 10 năm (2000-2009), trung bình số vụ án mỗi năm phải xét xử là 608 vụ án và 1.566 bị cáo về tội gây rối trật tự công cộng. Năm có số vụ án phải xét xử cao nhất là năm 2000 với 1.534 vụ án, năm thấp nhất là năm 2008 với 353 vụ án. Năm có số bị cáo phải bị xét xử cao nhất là năm 2000 với 2.961 bị cáo, năm thấp nhất là 2002 với 1.191 bị cáo. Trong 10 năm (2000-2009), trung bình số vụ án phải hoàn trả Viện kiểm sát là 75 vụ án/năm và 267 bị cáo/năm về tội gây rối trật tự công cộng.

3) Tổng số vụ án và tổng số bị cáo các Tòa án phải xét xử về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng là 104.154 vụ án và 206.743 bị cáo, thì tổng số vụ án và tổng số bị cáo các Tòa án phải xét xử về tội gây rối trật tự công cộng là 6.076 vụ án và 15.663 bị cáo, chiếm tỷ lệ 5,83% số vụ án và 7,57 % số bị cáo. Trong khi đó, tổng số vụ án và tổng số bị cáo các Tòa án đã xét xử là 88.194 vụ án và 168.110 bị cáo về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, thì tổng số vụ án và tổng số bị cáo đã xét xử các Tòa án về tội gây rối trật tự công cộng là 4.814 vụ án và 11.633 bị cáo, chiếm tỷ lệ 5,45 % số vụ án và 6,91 % số bị cáo.

4) Tổng số vụ án, số bị cáo do Tòa án xét xử về tội giết người và tội cố ý gây thương tích chiếm tỷ lệ cao. Tội giết người do Tòa án các cấp phải xét xử hàng năm đều cao (trên 1.000 vụ), cao nhất là năm 2008 với tổng số 1.928 vụ án và cao nhất tổng số bị cáo cũng là năm 2008 với 3.587 bị cáo. Còn tội cố ý gây thương tích phải xét xử là năm 2009 với 7.664 vụ án và cao nhất tổng số bị cáo cũng là năm 2009 với 12.561 bị cáo. Tội chống người thi hành công vụ phải bị xét xử ngày càng tăng dần, đặc biệt từ năm 2004 trở lại đây. Năm 2004,

tổng số vụ án phải bị xét xử là 613 vụ án, năm 2005 là 679 vụ án, năm 2006 là 683 vụ án, năm 2007 là 696 vụ án, năm 2008 là 755 vụ án và năm 2009 là 882 vụ án. Còn tội phá rối an ninh xảy ra ít, có năm không có, tuy nhiên, tính trung bình khoảng trên dưới 01 vụ án trong 1 năm. Có năm 03 vụ là năm 2005 và năm 2008 với 13 bị cáo và 08 bị cáo. Ngoài ra, tội đua xe trái phép mà Tòa án phải đưa ra xét xử hàng năm cũng không nhiều, năm 2001 có 07 vụ án và 20 bị cáo, còn năm 2001 có 07 vụ án và 13 bị cáo; đến năm 2008 có 05 vụ án với 18 bị cáo, năm 2009 có 05 vụ án với 07 bị cáo.

5) Tổng số bị cáo bị Tòa án tuyên không tội là 02 trường hợp; miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt là 16 trường hợp; áp dụng hình phạt cảnh cáo là 37 trường hợp; phạt tiền là 87 trường hợp; cải tạo không giam giữ là 342 trường hợp; án treo là 3.388 trường hợp; hình phạt tù từ 7 năm trở xuống là 7.700 và việc áp dụng hình phạt bổ sung là 397 trường hợp.

6) Việc áp dụng đối với các bị cáo phạm tội gây rối trật tự công cộng chủ yếu là hai biện pháp - *thứ nhất*, miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện - án treo với 3.388 trường hợp (trung bình cứ 1 năm áp dụng 339 trường hợp) và *thứ hai* - hình phạt tù có thời hạn từ 7 năm trở xuống với 7.700 trường hợp (trung bình cứ 1 năm áp dụng 770 trường hợp).

7) Việc áp dụng các biện pháp miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt nói chung còn thấp, có năm không áp dụng (2004, 2006 và 2009), tổng cộng áp dụng 16 trường hợp. Ngoài ra, hình phạt không tước tự do cũng áp dụng không nhiều - cảnh cáo trung bình mỗi năm áp dụng khoảng 04 trường hợp, phạt tiền khoảng 09 trường hợp và hình phạt cải tạo không giam giữ khoảng 34 trường hợp. Đặc biệt, hình phạt bổ sung có năm áp dụng nhiều (các năm 2001 - 112 trường hợp, năm 2005 - 122 trường hợp và năm 2007 - 78 trường hợp), có năm lại không áp dụng (năm 2000, 2003 và năm 2008), có năm áp dụng rất ít (năm 2002 - 02 trường hợp, năm 2009 - 01 trường hợp).

8) Đặc điểm nhân thân của các bị cáo bị Tòa án xét xử về tội gây rối trật tự công cộng cho thấy: là cán bộ, công chức có 17 trường hợp; đảng viên là 17 trường hợp; tái phạm, tái phạm nguy hiểm là 202 trường hợp; nghiện ma túy là 31 trường hợp; dân tộc thiểu số, ít người là 277 trường hợp; giới tính là nữ là 586 trường hợp; từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi là 698 trường hợp; từ đủ 18 tuổi đến 30 tuổi là 4.389 trường hợp và người nước ngoài là 13 trường hợp.

9) Các bị cáo bị Tòa án xét xử về tội gây rối trật tự công cộng tập trung vào hai loại đối tượng, độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi là 698 trường hợp (trung bình mỗi năm 70 trường hợp); độ tuổi từ đủ 18 tuổi đến 30 tuổi là 4.389 trường hợp (trung bình mỗi năm 439 trường hợp). Ngoài ra, về giới tính nữ giới tham gia phạm tội này cũng nhiều, tổng cộng là 586 trường hợp (trung bình mỗi năm là 59 trường hợp).

10) Ngoài ra, cũng đáng lưu ý trong công tác phòng ngừa tội gây rối trật tự công cộng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án là đối tượng phạm tội là cán bộ, công chức có 17 trường hợp; đảng viên là 17 trường hợp; đặc biệt là tái phạm, tái phạm nguy hiểm là 202 trường hợp; nghiện ma túy là 31 trường hợp; dân tộc thiểu số, ít người là 277 trường hợp. Như vậy, đối với tội gây rối trật tự công cộng việc tái phạm, tái phạm nguy hiểm là tương đối nhiều, trung bình mỗi năm là 20 trường hợp, đặc biệt, một trong những nguyên nhân phạm tội này là do sự thiếu hiểu biết pháp luật nên số đối tượng phạm tội là dân tộc thiểu số, ít người còn chiếm tỷ lệ cao, trung bình mỗi năm là 28 trường hợp.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nghiên cứu ngẫu nhiên xét riêng trên một địa bàn cụ thể là 172 bản án của Tòa án nhân dân trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian xét xử từ tháng 6/2008 đến tháng 6/2010 thực hiện áp dụng đối với một số tội phạm cụ thể cho kết quả trên các nội dung như loại tội, số người tham gia, độ tuổi, phạm tội khác, loại hình phạt và các biện pháp tư pháp (hình sự) được áp dụng; v.v...

Như vậy, năm đặc điểm chính mang tính đặc trưng của loại tội phạm này như sau:

Một là, tội gây rối trật tự công cộng có tính phổ biến - diễn ra tương đối phổ biến, phong phú, diễn ra hàng ngày, hàng giờ, phong phú hình thức và ở địa bàn nào cũng có, đặc biệt là các thành phố lớn, đô thị trung tâm.

Hai là, tội gây rối trật tự công cộng có tính công khai - hành vi này được thực hiện công khai nơi công cộng - những nơi đông người với biểu hiện là ý thức coi thường kỷ cương trật tự, an toàn xã hội, pháp luật của Nhà nước.

Ba là, tội gây rối trật tự công cộng có tính đa dạng - các hình thức biểu hiện của hành vi gây rối thường bao gồm là: hành hung, đánh lộn, đập phá, hủy hoại tài sản, gây lộn xộn ở nơi đông người, tụ tập đi xe máy tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, gây huyên náo đường phố, chống người thi hành công vụ; v.v...

Bốn là, tội gây rối trật tự công cộng thể hiện ở tính chất nhóm (hay *tính tổ chức*) - khi thực hiện tội phạm bao giờ cũng có sự tham gia của số đông người, già có, trẻ có, nam có, nữ có, song tập trung là lứa tuổi thanh thiếu niên.

Năm là, tội gây rối trật tự công cộng còn có tính liên quan - hay xảy ra liên quan đến lĩnh vực giao thông đường bộ, các tuyến phố lớn, gây ảnh hưởng, cản trở đến hoạt động bình thường của nơi công cộng, đi kèm là các hành vi cố ý gây thương tích, giết người do thanh toán lẫn nhau giữa các đối tượng, chống người thi hành công vụ do can ngăn việc gây rối trật tự công cộng; hủy hoại tài sản của Nhà nước, của công dân; do bị kích động, dụ dỗ, lôi kéo, xúi giục, bản chất côn đồ; v.v...

2.2.2. Một số tồn tại, vướng mắc và các nguyên nhân của thực trạng này

Trong mục này, luận văn tập trung phân tích một số tồn tại trong thực tiễn xét xử và những vướng mắc trong các quy định của Bộ luật hình sự để chỉ ra hai nhóm nguyên nhân phạm tội gây rối trật tự công cộng và có các tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn và lập pháp hình sự về tội phạm này, làm cơ sở cho việc nghiên cứu vấn đề hoàn thiện pháp luật và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

3.1. Sự cần thiết và ý nghĩa của việc hoàn thiện các quy định của bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng

3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng

Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng để góp phần bảo đảm giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội, góp phần cải cách tư pháp và xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền, qua đó còn để thực hiện nghiêm chỉnh Các Nghị quyết của Bộ Chính trị số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 "*Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*"; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 "*Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*" và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 "*Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*".

3.1.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng

Việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành về tội gây rối trật tự công cộng có ý nghĩa quan trọng dưới các *góc độ* chính - chính trị - xã hội, khoa học - nhận thức và *lập pháp hình sự*, qua đó bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của xã hội, của cơ quan, tổ chức và của công dân.

3.2. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 về tội gây rối trật tự công cộng

3.2.1. Nhận xét chung

Qua nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội gây rối trật tự công cộng và các văn bản pháp luật có liên quan đến hành vi gây rối trật tự công cộng, luận văn đã đưa ra một số nhận xét chung về tội phạm này làm cơ sở cho việc hoàn thiện Điều 245 Bộ luật này.

3.2.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể

Từ những nhận xét trên, mô hình lý luận của **Điều 245 - Tội gây rối trật tự công cộng** trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành sẽ như sau:

1. *Người nào gây rối trật tự công cộng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ hai triệu đồng đến mười triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm (sửa đổi, bổ sung).*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm (sửa đổi, bổ sung):*

a) *Có dùng vũ khí hoặc công cụ hỗ trợ;*

b) *Có hành vi phá phách;*

b) *Có tổ chức;*

c) *Gây cản trở giao thông nghiêm trọng;*

d) *Gây đình trệ hoạt động công cộng;*

đ) *Xúi giục người khác gây rối;*

đ) *Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng;*

e) *Tái phạm nguy hiểm.*

f) Gây rối trật tự tại phiên tòa, nơi thi hành án hoặc có hành vi khác gây trở ngại cho hoạt động xét xử, thi hành án.

Lập luận cho việc đưa ra mô hình lý luận của Điều luật này là ở chỗ:

Một là, bảo đảm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự Việt Nam trong việc xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội.

Hai là, bảo đảm định tội danh đúng và áp dụng đúng tình tiết khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, cũng như bảo đảm sự chuẩn xác và chặt chẽ về ngôn ngữ pháp lý khi áp dụng đối với mỗi tình tiết ở khoản 2 Điều 245 Bộ luật hình sự.

Ba là, bổ sung thêm ngoài việc người phạm tội dùng vũ khí, nếu họ sử dụng công cụ hỗ trợ (các loại roi cao su, roi điện, gậy điện, găng tay điện; lựu đạn cay; súng bắn hơi cay, ngạt, độc, gây mê; bình xịt hơi cay, ngạt, độc, gây mê; súng bắn đạn nhựa, cao su; súng bắn laze, súng bắn đinh, súng bắn từ trường và các loại công cụ hỗ trợ khác để gây rối trật tự công cộng đều phải bị xử lý nghiêm minh và thuộc khoản 2 Điều 245 Bộ luật hình sự.

Bốn là, xác định rõ ranh giới giữa xử lý hành chính và xử lý hình sự, tăng mức phạt tiền ở cấu thành tội phạm cơ bản (từ mức khởi điểm là 1.000.000 đồng lên thành 2.000.000 đồng) trong tương quan với xử phạt hành chính đối với hành vi gây rối trật tự công cộng có áp dụng là hình phạt tiền trong Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội (hiện nay, phạt tiền với tư cách là chế tài hành chính có thể đến 5.000.000 đồng).

Năm là, đồng thời bao quát các hành vi gây rối trật tự công cộng ở mức độ hành chính so với mức độ hình sự cần tăng nặng trách nhiệm hình sự trong xét riêng đối với "hành vi gây rối trật tự công cộng tại phiên tòa, nơi thi hành hoặc có hành vi khác gây trở ngại cho hoạt động xét xử, thi hành án" bằng việc bổ sung tình tiết này ở khoản 2 Điều 245 Bộ luật hình sự.

3.3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng

Ngoài giải pháp hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội gây rối trật tự công cộng, luận văn còn đưa ra một số giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định đó, bao gồm năm giải pháp chính như sau:

- 1) Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của Bộ luật hình sự trong tương quan với các văn bản pháp luật khác về hành vi gây rối trật tự công cộng;
- 2) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân;
- 3) Phối hợp các cơ quan, tổ chức với các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án để phòng ngừa, ngăn chặn và xét xử nghiêm minh tội gây rối trật tự công cộng;
- 4) Giải pháp mang tính nghiệp vụ, chuyên ngành, quản lý hành chính về trật tự xã hội;
- 5) Giải pháp tăng cường đời sống, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cho cán bộ, chiến sĩ, người thi hành công vụ và trách nhiệm của đội ngũ làm công tác thi hành công vụ, bảo vệ an toàn, trật tự xã hội.

KẾT LUẬN

Tóm lại, qua nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: "**Tội gây rối trật tự công cộng trong luật hình sự Việt Nam**" cho phép chúng tôi đưa ra một số kết luận chung sau đây:

1. An toàn công cộng, trật tự công cộng là những lĩnh vực gắn bó mật thiết với nhau. Theo đó, các lĩnh vực an toàn công cộng, trật tự công cộng gắn liền với việc bảo đảm các lợi ích vật chất, tinh thần của toàn xã hội cũng như của mỗi người với tư cách là từng thành viên sống trong xã hội và là một trong những tiêu chí để đánh giá sự ổn định, phát triển và văn minh, dân chủ của một quốc gia. Do đó, để có an toàn, trật tự công cộng - một trạng thái xã hội lành mạnh, ổn định, có tổ chức, có kỷ luật đòi hỏi Nhà nước, các cơ quan, tổ chức và mỗi thành viên trong xã hội phải có trách nhiệm xây dựng, thực hiện và bảo vệ các quy tắc của trật tự sinh hoạt chung trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đi ngược lại điều này là xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng và bị xử lý theo quy định của pháp luật. Tội gây rối trật tự công cộng nằm trong nhóm tội xâm phạm trật tự công cộng, do đó, xâm phạm đến trật tự công cộng. Tội gây rối trật tự công cộng là hành vi hò hét, làm náo động, phá phách, hành hung người khác hoặc có hành vi khác làm rối loạn các hoạt động ở những nơi công cộng, gây thiệt hại cho trật tự an toàn công cộng do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện, gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

2. Bộ luật hình sự năm 1985 đã quy định các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính thành một Chương trong Phần các tội phạm của Bộ luật, đó là Chương VIII nhưng lại chia thành ba mục - Mục A - Các tội xâm phạm *an toàn công cộng*; Mục B - Các tội xâm phạm *trật tự công cộng*; Mục C - Các tội xâm phạm *trật tự quản lý hành chính*. Trong đó, tội gây rối trật tự công cộng được quy định rất rõ tại Điều 198 trong Mục B - Các tội xâm phạm trật tự công cộng. Đến Bộ luật hình sự năm 1999, xét riêng về tội gây rối trật tự công cộng, Điều 245 Chương XIX - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. So với Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 đã có sự thay đổi trong nội dung cấu thành tội phạm này theo hướng chỉ xử lý hình sự trong các trường hợp cụ thể, trước đây chỉ cần một người có

hành vi gây rối trật tự công cộng là bị xử lý hình sự, trong khi đó, đến nay, chỉ khi hành vi gây rối trật tự công cộng *gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*, thì mới bị xử lý hình sự, còn chế tài trước đây - phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm, thì nay có thể - bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

3. Hành vi gây rối trật tự công cộng và cả tội phạm gây rối trật tự công cộng thể hiện chung ở chỗ - đều xâm phạm nghiêm trọng các quan hệ xã hội trong lĩnh vực trật tự công cộng, gây thiệt hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp, tài sản của Nhà nước và công dân. Hành vi này được thực hiện công khai và thường ở những nơi đông người, số đông người tham gia biểu hiện ý thức coi thường kỷ cương trật tự, an toàn xã hội, pháp luật của Nhà nước với đa dạng hình thức biểu hiện của hành vi gây rối thường là: hành hung, đánh lộn, đập phá, gây lộn xộn ở nơi đông người, tụ tập đi xe máy tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, gây huyên náo đường phố... và ngày càng có xu hướng gia tăng ở các thành phố, đô thị lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; Hải Phòng, Đồng Nai; v.v... và đi kèm với nó là các hành vi hủy hoại tài sản, cố ý gây thương tích, giết người, chống người thi hành công vụ hay đua xe trái phép; v.v...

4. Hiện nay, căn cứ pháp lý để truy cứu trách nhiệm hình sự một người về tội gây rối trật tự công cộng là Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 "*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*" của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội (thay thế cho Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12/12/2005 cùng lĩnh vực này). Tuy nhiên, việc áp dụng các văn bản này vào thực tiễn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc mà chúng tôi đã phân tích, đồng thời chỉ ra nguyên nhân cơ bản của thực trạng này.

5. Trên cơ sở nghiên cứu khía cạnh pháp lý hình sự và thực tiễn xét xử của Tòa án về tội gây rối trật tự công cộng cho thấy cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về tội phạm này trên các phương diện lý luận, thực tiễn và lập pháp. Do đó, chúng tôi đã xây dựng mô hình lý luận của tội phạm này với việc sửa đổi, bổ sung Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội phạm này đòi hỏi cần có một số giải pháp sau: 1) Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 trong tương quan với các văn bản pháp luật khác về hành vi gây rối trật tự công cộng; 2) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân; 3) Phối hợp các cơ quan, tổ chức với các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án để phòng ngừa, ngăn chặn và xét xử nghiêm minh tội gây rối trật tự công cộng; 4) Giải pháp mang tính nghiệp vụ, chuyên ngành, quản lý hành chính về trật tự xã hội và 5) Giải pháp tăng cường đời sống, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cho cán bộ, chiến sĩ, người thi hành công vụ và trách nhiệm của đội ngũ làm công tác thi hành công vụ, bảo vệ an toàn, trật tự xã hội.

Như vậy, các giải pháp này có ý nghĩa rất quan trọng không những trên phương diện xã hội - pháp lý hình sự, mà còn cả trên phương diện tội phạm học để nhằm mục đích - phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả hơn đối với hành vi phạm tội gây rối trật tự công cộng ở nước ta, qua đó bảo đảm xử lý nghiêm minh, kịp thời và đúng pháp luật mọi hành vi phạm tội và người phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội. Nói một cách khác, GS. TSKH. Đào Trí Úc viết: "*Phòng ngừa tội phạm phải bảo đảm tính hệ thống, tính toàn diện, tính khoa học và tính khả thi đối với các biện pháp được áp dụng...*". Đây chính là yêu cầu của Nhà nước và xã hội trong phòng ngừa tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của xã hội và của quyền của mọi công dân trong xã hội.